

CÁC NHÀ KHOA BẢNG NHO HỌC NAM BỘ VỚI NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA VƯƠNG TRIỀU NGUYỄN (1802-1884)

VŨ THỊ NGÀ

Khoa Lịch sử và Quan hệ Quốc tế,
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 15/6/2026. Sửa chữa xong 20/7/2026. Duyệt đăng 21/7/2026.

Abstract

Education and civil service examinations were important means of selecting talented individuals under the monarchy. Confucian education formed an intellectual class imbued with loyalty to the monarch and patriotism, serving as a key force in protecting royal authority and maintaining social order. During the Nguyen Dynasty, Southern Confucian scholars contributed not only to economic and cultural development but also to political affairs. Many held important responsibilities in maintaining domestic stability, safeguarding national security, and resisting foreign aggression. This article examines the role of Southern Confucian scholars in fulfilling the defense and security missions of the Nguyen Dynasty from 1802 to 1884.

Keywords: Confucian scholars, defense and security, foreign aggression, Nguyen Dynasty, Southern Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử giáo dục và khoa cử Nho học của dân tộc, Nam Bộ là vùng đất xuất hiện các khoa thi muộn và kết thúc sớm hơn so với các địa phương khác trên cả nước. Kể từ năm 1620, chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả con gái cho Quốc vương Chân Lạp Chey Chettha II, những người dân Việt đầu tiên đến vùng đất Nam Bộ tự do khai khẩn, làm ăn sinh sống đến nay, Nam Bộ đã có lịch sử hơn 400 năm. Sau một thời gian dài khẩn hoang và lập nghiệp, cùng với đó là những thầy giáo giỏi từ vùng đất Phú Xuân (như Võ Trường Toản) đến vùng đất này mở trường dạy học, thế hệ con cháu của những cư dân đầu tiên ở vùng đất Gia Định mới xuất hiện những học trò giỏi. Không kể những nhà Nho đỗ Tú tài, theo thống kê có 262 vị khoa bảng người Nam Bộ trong đó có 6 Tiến sĩ mà Phan Thanh Giản là người đỗ Tiến sĩ đầu tiên (Nguyễn Đình Tư, 2020, tr. 5). Con số này không hẳn là lớn so với số các nhà khoa bảng của triều Nguyễn, tuy nhiên thông qua tiểu sử và hành trạng của có thể khẳng định rằng họ có vai trò quan trọng đối với nền chính trị của dân tộc những năm đầu thế kỷ XIX, dưới thời trị vì của vương triều Nguyễn. Không chỉ giúp vương triều ổn định tình hình chính trị trong nước các nhà khoa bảng Nho học Nam Bộ còn là lực lượng góp phần tham gia và lãnh đạo các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc bằng nhiều cách thức khác nhau: trực tiếp cầm quân, phản đối hợp tác với thực dân để quốc như Nguyễn Hữu Huân, Âu Dương Lâm, Phan Văn Trị hay viết văn làm thơ thể hiện tư tưởng của mình tiêu biểu là Nguyễn Đình Chiểu. Dựa trên các công trình đã công bố, nghiên cứu về các nhà khoa bảng Hán học Nam Bộ đã được đề cập tới trên một số phương diện, từ tiểu sử, hành trạng đến những đóng góp đối với lịch sử, văn hóa của dân tộc. Nhân vật Phan Thanh Giản được khảo cứu từ nhiều góc độ lịch sử và tư tưởng qua các công trình của *Tạp chí Xưa & Nay* (2016) và Hoàng Lại Giang (2016), góp phần cung cấp cái nhìn đa chiều về cuộc đời và sự nghiệp của ông. Đối với Lê Quang Định, Trần Đình Hằng (2020) đã làm nổi bật tư tưởng thống nhất quốc gia được thể hiện trong *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, qua đó khẳng định tầm nhìn chính trị và nhận thức lãnh thổ của tác giả. Các nghiên cứu về Trịnh Hoài Đức tập trung làm rõ vai trò của ông như một nhà văn hóa, nhà sử học và nhà quân sự tiêu biểu của Gia Định xưa (Hồng Ân, 2025), đồng thời phân tích những đóng góp của ông trong tiến trình phát triển văn học Hán Nôm Nam Bộ và sáng

Email: vuthinga@hcmussh.edu.vn

tác của cộng đồng Minh Hương (Nguyễn Tiến Lập, 2019). Bên cạnh đó, công trình của Nguyễn Đình Tư (2020) đã hệ thống hóa tiểu sử và hành trạng của nhiều nhà khoa bảng Hán học Nam Bộ, tạo nền tảng tư liệu quan trọng cho các nghiên cứu chuyên sâu. Ngoài ra, các ấn phẩm về Nguyễn Đình Chiểu (2022) tiếp tục khẳng định vị trí của ông như một danh nhân văn hóa tiêu biểu của dân tộc.

Nhìn chung, các công trình trên đã đề cập đến tiểu sử và đóng góp nổi bật của một số nhân vật tiêu biểu người Nam Bộ thành danh từ giáo dục và khoa cử, tuy nhiên nội dung chủ yếu là thống kê mang tính chất cá nhân, việc hệ thống và phân tích những đóng góp của họ trên một lĩnh vực cho vương triều Nguyễn trong đó có vấn đề quốc phòng an ninh là vấn đề còn bỏ ngỏ, cần nghiên cứu và tìm hiểu để thấy được vai trò của họ đối với lịch sử dân tộc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các nhà khoa bảng Nho học Nam Bộ với nhiệm vụ dẹp yên các cuộc nổi dậy chống triều đình

Năm 1802, Nguyễn Ánh lật đổ triều Tây Sơn, lập ra vương triều Nguyễn. Mặc dù đất nước thống nhất nhưng ngay khi khởi dựng cơ nghiệp, các vua triều Nguyễn đã vấp phải sự nổi dậy chống đối của rất nhiều lực lượng đối lập ở khắp cả 3 miền Bắc - Trung - Nam như khởi nghĩa nông dân, những cuộc nổi dậy của binh lính và đồng bào dân tộc thiểu số.

Bắc kỳ là vùng nổ ra các cuộc khởi nghĩa nông dân quyết liệt nhất trong đó có một số cuộc khởi nghĩa lớn như: Phan Bá Vành ở Nam Định, Nông Văn Vân ở Tuyên Quang và Lê Duy Lương ở Ninh Bình. Để dẹp yên các cuộc khởi nghĩa này, triều Nguyễn huy động một lực lượng lớn quan quân đi đánh dẹp, trong đó có các nhà khoa bảng Hán học Nam Bộ.

Năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), triều đình nhiều lần cử Huỳnh Văn Tú và Trần Quang Tấn đi đánh dẹp cuộc nổi của Nông Văn Vân và dư đảng của cuộc khởi nghĩa này ở Cao Bằng, Tuyên Quang và Hưng Hóa. Đến năm 1837, vua Minh Mệnh điều Lê Văn Đức đem quân từ Cao Bằng phối hợp với cánh quân của Tạ Quang Cự tiêu trừ, dập tắt hoàn toàn cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân. Sau khi dập tắt cuộc khởi nghĩa này, Minh Mệnh thứ 20 (1839), ông còn được giao nhiệm vụ đi tiêu trừ dư đảng của Nông Văn Vân là Nông Văn Sĩ, Nông Thạc ở vùng Tuyên Quang góp công lớn dẹp yên các cuộc nổi dậy ở vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Ở Nam kỳ, dưới triều vua Minh Mệnh, binh lính nổi lên chống lại triều đình, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi. Năm 1833, khởi nghĩa này nhiều lần nổi loạn ở thành Gia Định và thành Phiên An, vua Minh Mệnh đã phải cử Tham tán quân vụ đại thần Trương Minh Giảng (? - 1841) và Hàn lâm viện đãi chiếu Trương Tấn Sĩ (Trương Tấn Nhậm (? - 1842) cùng quan quân triều đình đi đánh dẹp. Thắng trận, vua thưởng cho “Tham tán Trương Minh Giảng, 1 tấm bài đeo bằng ngọc trắng có chữ “Phước Thọ”, 1 đồng kim tiền hạng lớn.” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 652).

Bên cạnh các cuộc khởi nghĩa lớn, dưới sự trị vì của các vua triều Nguyễn, nhân dân các dân tộc thiểu số ở cả ba miền liên tục đứng lên chống lại vương triều. Một số nhà khoa bảng Nam Bộ đã góp sức không nhỏ trong việc dẹp yên những cuộc nổi dậy này đặc biệt dưới triều vua Minh Mệnh và Tự Đức.

Dưới triều vua Minh Mệnh, năm 1839, Tham hiệp trấn Tuyên Quang là Phạm Ngọc Oánh đánh tan thổ phỉ người Tày là Ma Đình Triều. Sang năm Minh Mệnh thứ 11 (1840), tình hình Trấn Tây phức tạp; người Chân Lạp, kể cả quan chức, ngấm ngấm chống đối chính quyền. Ông được cử sang làm Án phủ Hải Đông, địa phương giáp với nước Xiêm, dẹp yên cuộc nổi dậy.

Năm 1835, Tham tán Nguyễn Công Hoán (1793-1843) cùng quan quân triều đình dẹp yên các cuộc nổi dậy ở thành Phiên An. Thắng trận, ông cùng Tham tán Hồ Văn Khuê, Trần Văn Trí được vua ban “thưởng mỗi người 1 cái nhẫn vàng mặt kim cương, hạng vừa, và 1 cái bài đeo bằng ngọc trắng chạm khắc cỏ hoa, và có dây thau đeo san hô rủ xuống” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 716). Khi xét công trạng của những Tướng quân, Tham tán và Lãnh binh đã có công dẹp yên ở Nam Kỳ, vua Minh Mệnh đã nhận xét về ông như sau: “Nguyễn Công Hoán: tuy mới sung làm Tham tán, nhưng do chân quan văn đi làm việc quân, thế mà hiệp sức xông lên thành, giết giặc lập công; cũng đặc cách phong làm An Phước nam” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 791).

Ở vùng đất Quảng Trị, năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), Tri phủ Cam Lộ là Lê Văn Dự đã dẹp yên hoạt động

chống đối triều đình của thổ phi người Lào ở địa bàn huyện Hương Hóa và kêu gọi thổ dân bỏ chạy khi thổ phi đến cướp phá về quê làm ăn. Do đó ông đã được vua “thưởng cho 3 đồng ngàn tiền Phi long hạng lớn bậc nhất” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 690). Năm Tự Đức thứ 1 (1848), ông đánh thổ phi Lào quấy rối ở châu Ba Lan và Mường Bổng, là các châu nội thuộc nước ta ở tỉnh Quảng Trị. Với những công trạng trên, vua triệu ông về kinh, giữ chức Ngự sử đài thuộc Viện Đô sát. Năm Tự Đức thứ 8 (1855), tù trưởng các phạm Man ở thượng du Khánh Hòa nổi dậy cướp bóc và giết chết 3 biên binh ông đã mang quân đi đánh dẹp, được vua thưởng cho kỷ lục (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 377).

Dưới triều vua Tự Đức, Tán dương quân vụ Sơn Tây quyền coi doanh Hồ Oai là Trần Thiện Chánh (1822-1874) đã cùng quan quân triều đình đánh dẹp nhiều cuộc nổi dậy ở vùng núi phía Bắc. Tháng 11 năm Tự Đức 22 (1869), ông được giao nhiệm vụ cầm quân dẹp yên cuộc nổi dậy của thổ phi người Thanh phối hợp với thổ phi người Mèo ở Thuận Chủ (Tuyên Quang). Tháng 9 năm Tự Đức thứ 23 (1870), ông đánh dẹp các cuộc nổi dậy ở Sơn Tây, Hưng Hóa, Cao Bằng. Tháng 6 năm Tự Đức thứ 25 (1872), các cuộc nổi dậy ở huyện lỵ Tam Dương, thổ phi nước Thanh ở Đoan Hùng đã bị đập tắt hoàn toàn dưới sự lãnh đạo của ông và quan quân triều đình.

Ngoài một số nhà Nho nêu trên, một số nhà khoa bảng Nam Bộ khác còn có công dẹp yên các cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc thiểu số, giữ yên nội trị cho vương triều Nguyễn. Tiêu biểu như:

Lê Bá Phẩm (1748-1823) đánh thổ phi ở vùng Yên Thành, Nghệ An năm Gia Long thứ 15 (1816).

Trương Hảo Hiệp (? -1849) đánh dẹp cuộc nổi dậy của nhân dân ở Thái Nguyên năm Minh Mệnh thứ 14 (1833); Nguyễn Văn Nhan (không rõ năm sinh năm mất), đánh dẹp cuộc nổi dậy của người Chăm ở phủ Hàm Thuận và huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận năm Minh Mệnh thứ 16 (1835); Phạm Ngọc Quang (không rõ năm sinh năm mất), đánh dẹp cuộc nổi dậy của viên An phủ sứ phủ Khai Biên ở Hà Tiên người Chân Lạp tên là Dy năm Minh Mệnh thứ 19 (1838).

Huỳnh Hữu Quang dẹp yên cuộc nổi dậy của binh lính ở Lạc Hóa (phủ Vĩnh Long) cấu kết với người Khơ me nổi dậy năm Thiệu Trị thứ nhất (1841). Ông bị giết trong trận đánh đó và được nhà vua truy tặng chức tri phủ.

Phan Tĩnh (Phan Vĩnh Định) (không rõ năm sinh, năm mất) dẹp yên cuộc nổi dậy của người dân tộc thiểu số ở Quảng Ngãi, đến cướp đồn Trà Vân năm Tự Đức thứ 11 (1858). Nguyễn Hữu Tạo (không rõ năm sinh, năm mất) cùng quan quân triều đình dẹp yên sự nổi dậy của thổ phi ở Tuyên Quang năm Tự Đức thứ 16 (1863).

Ngoài ra, các nhà khoa bảng Nam Bộ còn tham gia một số hoạt động khác nhằm giữ vững quyền cai trị của vương triều như cấm các hoạt động lén lút truyền bá đạo Kito và sự lộng hành của bọn địa chủ người Hoa ở Trà Vang để bảo vệ cuộc sống của bà con đồng bào người Khơ me ở Trà Vinh của Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) hay ngăn cản sự hống hách của các đạo sĩ người Pháp của biển Đà Nẵng của Đào Trí Phú (Đào Trí Kính) (? -1854) vào tháng 2 năm Thiệu Trị thứ 7 (1847). Ngoài ra, Trịnh Hoài Đức (1765-1825) và Phạm Đăng Hưng (1765-1825) là hai nhà khoa bảng Nho học Nam Bộ có công giúp Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn lập ra vương triều.

2.2. Các nhà khoa bảng Nho học Nam Bộ với nhiệm vụ chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc.

Trong thời gian trị vì, trước khi đương đầu với sự xâm lược của thực dân Pháp, triều Nguyễn phải huy động một lực lượng quan quân lớn để chống lại âm mưu xâm lược của quân Xiêm.

2.2.1. Kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm

Dưới triều vua Minh Mệnh và Thiệu Trị, với âm mưu bành trướng và thay Đại Nam đặt quyền bảo hộ ở Chân Lạp, quân Xiêm nhiều lần cấu kết với các lực lượng nổi dậy trong nước đem quân đến gây rối ở vùng biên giới phía Nam. Trong số các nhà khoa bảng Nho học Nam Bộ được các vua triều Nguyễn sai phái để dập tắt âm mưu xâm lược lãnh thổ của quân Xiêm phải kể đến Đoàn Kiêm Quang (?- 1839) và Lê Văn Đức.

Tháng 12 Minh Mệnh thứ 14 (1833), do sự cầu viện của Lê Văn Khôi, quân Xiêm xâm phạm Hà Tiên và đem theo người em của vua Chân Lạp về giành ngôi. Dân chúng và quân lính Chân Lạp hưởng ứng, Vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân không chống lại được, đem gia quyến và những kẻ trung thành chạy xuống Vĩnh Long nhờ quân ta che chở. Tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), quân triều Nguyễn đã

đánh thắng quân Xiêm, tiến đánh Xiêm ở Chân Lạp, giải phóng Nam Vang, Phủ doãn phủ Thừa Thiên là Đoàn Kiêm Quang đã phụng mệnh vua đích thân hộ tống vua Nam Vang về nước.

Bên cạnh đó, Tả tham tri bộ Binh kiêm Tổng đốc Sơn- Hưng -Tuyên (Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang) Lê Văn Đức (1793-1842), người có rất nhiều công trạng trong đánh dẹp cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân và các cuộc nổi dậy của người dân tộc thiểu số ở phía Bắc dưới triều vua Minh Mệnh, sang thời Thiệu Trị mặc dù bị bệnh và xin được nghỉ việc quân, nhưng đến năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), binh thuyền quân Xiêm uy hiếp biên giới phía Tây, triều đình đã giao cho ông đi đánh giặc. Ông tiến đến Thất Sơn, phá đồn Sách Sô của giặc, giữ yên biên giới. Với chiến thắng này, ông được vua khen ngợi công lao ban thưởng cho 3 chỉ nhân sâm của vua dùng, sung làm “Thự Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Lễ, Ân Quang tử Lê Văn Đức được thưởng 1 đồng kim tiền Phú thọ đa nam hạng lớn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 383–384).

Tháng 2 năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), quân Xiêm mở cuộc tấn công vào Hà Tiên. Đinh Văn Huy (?-1842) , lúc đó làm Án sát sứ cùng Thự đề đốc Đoàn Văn Sách lãnh đạo quân lính tổ chức kháng chiến.

Trong số các nhà khoa bảng Nho học Nam Bộ tham gia đánh quân Xiêm bảo vệ vương triều còn có Mai Thăng Đường (?-1835) (được giao nhiệm vụ đến thành Trấn Ninh đánh quân Xiêm năm Minh Mệnh thứ 14 (1835) và Vương Hữu Quang (đánh quân Xiêm xâm phạm bờ cõi năm Minh mệnh thứ 16 (1835), Huỳnh Mẫn Đạt (1807-1883) (ông cùng Phó lãnh binh Nguyễn Văn Do đánh thắng quân Xiêm quấy phá biên giới năm Thiệu Trị thứ 5 (1845).

2.2.2. Kháng chiến chống Pháp xâm lược

Tháng 9 năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng, Pháp mở rộng phạm vi xâm lược đánh chiếm Gia Định, các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam kỳ, các nhà Nho Nam Bộ đã chống lại sự xâm lược và cai trị của thực dân Pháp bằng nhiều cách thức khác nhau: kháng chiến chống Pháp, phản đối hợp tác với Pháp bằng phong trào “tị địa” hay thể hiện sự bất bình và lòng yêu quê hương đất nước qua các sáng tác thơ văn.

Khi Pháp xâm lược, các nhà Nho Nam Bộ không chỉ chống Pháp với nhiệm vụ của các quan cai trị ở các địa phương mà họ tự động tổ chức và tham gia các cuộc khởi nghĩa với quyết tâm chống Pháp đến cùng.

Với chức trách là các quan lại của vương triều Nguyễn, nhiều nhà Nho Nam Bộ đã theo chỉ dụ của vua tham gia và tổ chức kháng chiến chống Pháp cùng triều đình nhất là ở chiến trường Nam Bộ.

Tháng Giêng năm 1859, Pháp đánh chiếm Gia Định, vua đã cử Bồi chánh sứ Quảng Ngãi Phan Tĩnh (Phan Vĩnh Định) làm Tham tán cùng quan quân triều đình do Tôn Thất Cáp chỉ huy đến Gia Định đánh giặc. Ông bị thương, vua rất ưu ái liền gửi vào cho ông “5 chỉ sâm Cao ly, phái thầy thuốc đem thuốc (sa hương bằng phiến) các hạng đến ngay để điều trị” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 604). Bên cạnh đó, hưởng ứng lời chỉ dụ của vua Tự Đức cho phép sĩ dân Nam kỳ được phép hợp đoàn dân phu, hoặc đi theo quân thứ đánh giặc, Thương biện quân vụ Hồ Văn Quang đã chiêu mộ được một số binh đồng đi theo quân thứ dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Tri Phương chống Pháp đóng tại Đại đồn Chí Hòa.

Án sát sứ tỉnh Vĩnh Long là Lê Phước Đức đã kéo quân từ Vĩnh Long đến Gia Định để cùng quân triều đình kháng chiến chống thực dân Pháp. Pháp đánh chiếm Vĩnh Long ông đã cùng quan quân triều đình trực tiếp kháng chiến. Năm 1861, Pháp mở rộng đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ, theo lệnh triều đình Nguyễn Túc Trưng (Nguyễn Văn Hưng) lúc đó giữ chức Phủ thừa phủ Thừa Thiên đã chiêu mộ dân đồng lên đường đi đến Long-Tường (Vĩnh Long và Định Tường) cùng quan quân tỉnh sở tại đánh giặc. Khoa đạo Nguyễn Duy Quang (1820-1890) cùng đem hơn 1000 lính đóng từ Kinh thành Huế đến Định Tường ứng cứu.

Trong số các nhà Nho Nam Bộ đứng lên chống Pháp cùng triều đình không thể không nhắc tới Phan Thanh Giản. Ông được triều đình giao cho nhiều trọng trách trong cuộc đối đầu lịch sử với một thế lực ngoại xâm có cách đánh và hỏa lực chưa từng thấy trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

Năm 1860, khi quân Pháp rút khỏi Đà Nẵng chuyển vào Gia Định ông được vua sai phái cùng các quan đại thần thay nhau vào Quảng Nam họp bàn với các quân thứ đặt phòng lũy canh giữ. Năm 1862, ông được vua giao nhiệm vụ thương thuyết kí với Pháp Hiệp ước đầu tiên với thực dân Pháp. Năm 1867, ông được cử làm Kinh lược đại thần ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên để thu xếp thương thuyết với thực dân Pháp.

Sau khi mất 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ ông phải chịu án trăm giam hãm (giết kẻ đã chết) để lại nhiều suy ngẫm cho người đương thời về cuộc đời và cốt cách của một nhà Nho yêu nước.

Ngoài chiến trường Nam Bộ, các nhà Nho khoa bảng Nam Bộ còn tham gia chống Pháp ở các chiến trường trong cả nước trong đó có Hà Nội như trường hợp của Nguyễn Chánh (1834-?). Cuối năm 1873, Pháp đánh chiếm Hà Nội, tình thế vô cùng căng thẳng, khi đó ông lãnh chức Thượng thư bộ Binh đã theo lệnh của triều đình mang đại binh tiến đến núi Tam Điệp ranh giới Ninh Bình và Thanh Hóa chờ cơ hội đánh trả lại thực dân Pháp.

Không chỉ thực hiện nhiệm vụ chống Pháp xâm lược theo chỉ dụ của triều đình với vai trò của những quan lại cai quản ở các địa phương mà các nhà Nho Nam Bộ còn tự tổ chức và tham gia các phong trào kháng chiến chống Pháp ở địa phương.

Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng, Pháp đánh chiếm Nam kỳ, trong tình thế nguy cấp, quân đội triều đình chưa tới, rất nhiều nhà Nho Nam Bộ lúc đó đã đứng lên chiêu mộ lực lượng kháng chiến.

Năm 1860, quân Pháp đánh đại đồn Chí Hòa và các vùng nông thôn Gia Định, cử nhân Phan Văn Đạt (1828-1861) đã chiêu mộ nghĩa quân, lập căn cứ ở gần quê nhà thu hút được nhiều thanh niên trong vùng tham gia. Nghĩa quân chưa kịp hành động thì những thì ông rơi vào tay địch. Quân Pháp tìm mọi cách mua chuộc ông nhưng thất bại, ông đã hi sinh.

Tháng 3 năm Tự Đức thứ 14 (1861), quân Pháp đánh chiếm Định Tường. Lúc bấy giờ Tổng đốc tỉnh Định Tường chưa tới nơi Án sát sứ Định Tường Huỳnh Mẫn Đạt đã cùng tuần phủ địa phương chủ động tổ chức phòng ngự.

Bên cạnh đó, một số Nho sĩ đã chủ động tham gia kháng chiến chống Pháp các nghĩa quân trong vùng. Trong nhiều nhất là tham gia phong trào của nghĩa quân Trương Định. Cụ thể như sau:

Bùi Hy (?-1885) theo sách địa chí Long An, và khởi nghĩa Trương Định thì sau khi Đại đồn Chí Hòa thất thủ, ông cùng nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp tại quê nhà trong phong trào kháng chiến của Trương Định và được Trương Định phân công nhiệm vụ chuyên biện ở quê hương ông.

Đỗ Trình Thoại, năm Tự Đức thứ 14 (1861) khi đại đồn Chí Hòa bị thất thủ, quân Pháp đánh rộng ra toàn tỉnh Gia Định. Ông hăng hái tham gia lực lượng kháng chiến của Trương Định, mộ nghĩa quân lập căn cứ ở Tân Hòa. Sáng 22-6-1861 ông chỉ huy một toán nghĩa quân tập kích đồn Gò Công của thực dân Pháp. Ông tự tay giết chết tên lính thủy quân lục chiến Pháp tên là Badiez và đâm trọng thương tên Trung úy Paulin trưởng đồn kiêm thanh tra Gò Công. Chẳng may ông trúng đạn hy sinh. Năm Tự Đức thứ 33 (1880), ông cùng 1532 người chết vì việc nước được nhà vua cho thờ ở đền Trung Nghĩa trong kinh thành Huế.

Hà Mậu Đức (không rõ năm sinh năm mất) chưa kịp ra làm quan thì thành Gia Định thất thủ, ông đã tham gia phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp do Trương Định lãnh đạo và lập căn cứ chính ở Gò Công. Ông được phân công quản lý mọi việc của cuộc khởi nghĩa trên địa bàn quê hương ông.

Lưu Tấn Thiện (1823-1876), sau khi Đại đồn Chí Hòa thất thủ, Trương Định kéo tàn quân về Tân Hòa hợp tác với ông đối phó với quân Pháp. Bấy giờ quân Pháp lo đánh chiếm các tỉnh thành chủ chốt là Biên Hòa, Định Tường và Vĩnh Long nên hạt Tân Hòa nơi ông đóng giữ vẫn được giữ vững.

Cù Khắc Kiệm thi đỗ nhưng ông không ra làm quan, vừa lúc quân Pháp đánh chiếm Gia Định, ông tham gia kháng chiến chống Pháp với đồng bào và thân sĩ địa phương của nhóm Trà Quý Bình, Bùi Tấn trong phong trào kháng chiến của Trương Định

Ngoài ra, một số nhà Nho tham gia cuộc khởi nghĩa khác như: Âu Dương Lân tham gia khởi nghĩa Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trọng Trì tham gia cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực

Sau khi kháng chiến chống Pháp của triều đình thất bại, với tình thần yêu nước một số nhà Nho khoa bảng Nam Bộ đã đứng lên kháng chiến đến cùng. Họ đã kêu gọi, tập hợp nghĩa binh, tiếp tục tổ chức kháng chiến. Tiêu biểu là Huỳnh Giản, Âu Dương Lân và Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trọng Trì.

Ngày 24/6/1867 sau khi chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ, Tri phủ An Biên (Hà Tiên) là Huỳnh Giản (1830-1867) không chịu khuất phục đã cùng với một số người thân tín dưới quyền, chiêu mộ binh sĩ

rút vào rừng tổ chức kháng chiến. Nhóm của ông hoạt động đơn độc, bị quân Pháp bao vây chặt, hết đường tiếp tế, sau 3 tháng khi Hà Tiên bị mất, ông cho giải tán nghĩa binh rồi cho người thân tín về quê báo tin cho vợ con biết, ông noi gương Kinh lược sứ Phan Thanh Giản quên sinh bằng cách uống thuốc độc vào ngày 13/10/1867.

Âu Dương Lâm (?-1875) được bổ nhiệm làm quan khi Pháp đã đánh chiếm 4 tỉnh Nam Kỳ, ông liền tham gia phong trào chống Pháp do Trương Định lãnh đạo và được cử làm tri huyện. Sau khi Trương Định hy sinh, phong trào kháng chiến tan rã, Âu Dương Lâm thoát khỏi tay giặc, ông chờ cơ hội nổi dậy chống Pháp. Cuối năm 1871, sau khi được trả tự do trở về từ đảo Bonbon ông cùng nhà yêu nước Nguyễn Hữu Huân tiếp tục tổ chức kháng chiến chống Pháp ở vùng Định Tường, Gò Công, Tân An. Năm Tự Đức thứ 25 (1872) nghĩa quân đánh đồn Pháp ở Mỹ Tho thất bại, Thủ khoa Huân bị bắt, ông trốn thoát. Thực dân Pháp giao cho tên tay sai thuyết phục và hứa hẹn sẽ cho ông quyền cao chức trọng nhưng ông không chịu khuất phục trước danh lợi, một lòng đứng về nhân dân chống Pháp. Năm 1875 ông bị thực dân Pháp bắt và bị chém đầu tại Mỹ Tho.

Sau khi quân Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ, Nguyễn Hữu Huân (1830-1875) tham gia nghĩa quân Trương Định, được triều đình phong chức Phó quản đạo. Hoạt động của nghĩa quân do ông lãnh đạo đã gây được ảnh hưởng lớn trong nhân dân vùng Mỹ Tho, Tân An, Đồng Tháp Mười. Sau khi Trương Định bị bắt ông vẫn nuôi ý chí đánh Pháp, ông hợp tác với Võ Duy Dương ở căn cứ Đồng Tháp Mười. Bị bắt và đày sang Nam Mỹ trở về, mặc dù bị thực dân Pháp giam lỏng, nhưng Nguyễn Hữu Huân vẫn liên lạc với các nhà yêu nước, nhất là ở vùng Chợ Gạo, quê hương ông.

Năm 1872, ông trốn về Chợ Gạo tham gia chống Pháp ở thôn Bình Cách. Phong trào hoạt động khắp các tỉnh Định Tường, Tân An, Chợ Lớn thu hút sự tham gia của nhiều thành phần, đặc biệt có sự tham gia của hàng trăm hương chức là học trò cũ của ông. Nhiều thủ lĩnh phong trào ở các địa phương khác đã tích cực hưởng ứng như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Lâm Lễ ở Cần Thơ, An Giang. Lực lượng lên tới 3000 người, được dân chúng che chở, hoạt động khắp nơi, đột kích các nơi đóng đồn hoặc phục kích các toán tuần tra của địch. Phong trào chống Pháp do Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo diễn ra suốt 3 năm. Năm 1875, nghĩa quân bị đàn áp, Nguyễn Hữu Huân về vùng Chợ Gạo với ý định gây dựng lại lực lượng nhưng tháng 4/1875 ông bị thực dân Pháp bắt. Thực dân Pháp mua chuộc nhưng đã thất bại trước ý chí sắt chống Pháp đến cùng của ông.

Nguyễn Trọng Tri (1832-1899), sau khi chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ, biết ông là người có uy tín trong vùng, thực dân Pháp yêu cầu ông ở lại hợp tác với chúng nhưng ông đã từ chối, nhất định không chịu bán rẻ lương tâm, làm tay sai cho chúng. Ông quay về chiêu mộ nghĩa dũng tham gia lực lượng kháng chiến của Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang. Trong thời gian quân Pháp đánh chiếm Rạch Giá, ông đã chỉ huy một toán nghĩa quân cùng với nhân dân địa lập một trận địa kháng chiến ở vùng Ba Bần, Trà Kên, Lạc Dục (nay thuộc huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang) để cản đường tiến quân của Pháp từ Châu Đốc xuống tiếp cứu Rạch Giá. Sau khi Nguyễn Trung Trực bị bắt và hi sinh, Nguyễn Trọng Tri vẫn tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp tham gia nghĩa quân của Trần Văn Thành.

Ngoài kháng chiến chống Pháp bằng lực lượng vũ trang, một số nhà Nho thể hiện tinh thần bất hợp tác với thực dân Pháp bằng cách từ quan như Đặng Văn Thạnh (1810-1890) hoặc tổ chức phong trào “tị địa” tiêu biểu như Phan Văn Trị (1830-1910), Đoàn Tấn Thiện.

Năm 1860, thực dân Pháp đánh Định Tường, Đặng Văn Thành xin từ quan về quê nhà tham gia lực lượng kháng chiến. Ông bị thực dân Pháp bắt và được Tôn Thọ Tường (lúc đó đã làm tay sai cho Pháp) bảo lãnh và lấy tình bạn văn chương ra để thuyết phục ông ra làm việc với Pháp nhưng khi nghe Tôn Thọ Tường bày tỏ ý kiến của mình ông liền đáp: “Tôi đã bỏ quan vì nghĩa, nay lại há ra làm quan với giặc sao?” (Nguyễn Hữu Hiếu, 1972, tr. 66).

Bên cạnh việc chống Pháp bằng hoạt động vũ trang, các nhà Nho yêu nước Nam Bộ với tài năng của mình chống Pháp theo cách rất đặc biệt. Đó là dùng các sáng tác thơ văn để nói lên lòng yêu nước, căm thù giặc của mình như Huỳnh Mẫn Đạt, Phan Văn Trị và tiêu biểu nhất đó là Nguyễn Đình Chiểu.

Trong nền văn học nước nhà, Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) đỗ Tú tài năm 1843 tại trường thi Gia Định. Trên đường về quê chịu tang mẹ do quá đau buồn và bị ốm, ông đã bị mù. Ông được coi là một nhà thơ lớn, lá cờ đầu của dòng thơ văn yêu nước của dân tộc ta cuối thế kỷ XIX. Mặc dù bị mù, không thể trực tiếp tham gia chống ngoại xâm, nhưng khi thực dân Pháp xâm lược, ông đã bất hợp tác với thực dân Pháp. Ông đã thể hiện tâm sự xót xa trước cảnh mất nước, lòng căm thù giặc cũng như lòng căm phục trước những tấm gương hy sinh vì độc lập dân tộc trong các sáng tác thơ văn. Nổi bật trong số đó là các tác phẩm: “Chạy Tây”, “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”, “Lục tỉnh sĩ dân trận vong”, Mười hai bài thơ và bài văn tế Tướng quân Trương Định (1864), Thơ điệu Đông các Đại học sĩ Phan Thanh Giản (2 bài, 1867), Mười bài thơ điệu Ba Tri Đốc binh Phan Tòng (1868)... Những hình tượng văn học trong tác phẩm của ông thể hiện tấm gương sáng về lòng yêu nước thương dân, đạo làm người của nhà Nho mang cốt cách khảng khái của người dân Nam Bộ. Những tác phẩm của ông là nguồn động lực to lớn khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.

Bên cạnh Nguyễn Đình Chiểu, dùng ngòi bút để thể hiện lòng yêu nước căm thù giặc của các nhà Nho Nam Bộ còn thể hiện trong những sáng tác của Huỳnh Mẫn Đạt (1807-1883) với những bài thơ ca ngợi những lãnh tụ khởi nghĩa chống như Nguyễn Trung Trực hay tâm sự xót xa trước cảnh mất nước của Phan Văn Trị (1830-1910) khi thành Vĩnh Long rơi vào tay Pháp trong bài “Mất Vĩnh Long”.

3. Kết luận

Qua tìm hiểu những đóng góp của Nguyễn Đình Chiểu và các nhà khoa bảng Nho học Nam Bộ đối với nhiệm vụ củng cố và giữ vững nền chính trị của vương triều Nguyễn có thể rút ra một số nhận xét sau:

Trí thức Nho học, đặc biệt là các nhà khoa bảng Nam Bộ là một bộ phận quan trọng trong xã hội thời kỳ trung đại nói chung, triều Nguyễn nói riêng. Với tư tưởng đạo Khổng ăn sâu vào cốt cách và tư tưởng, họ chính là công cụ đắc lực trong bộ máy cầm quyền của nhà nước quân chủ. So với các vùng khác, số các nhà Nho đặc biệt là các nhà khoa bảng Hán học Nam Bộ, không phải là nhiều nhưng những đóng góp của họ cho nhiệm vụ ổn định chính trị và bảo vệ độc lập dân tộc dưới sự cai trị của vương triều Nguyễn là không thể phủ nhận. Họ có mặt, tham gia hầu hết các nhiệm vụ ở khắp các địa bàn trên cả nước nhằm dẹp yên các cuộc nổi dậy cũng như kháng chiến chống ngoại xâm, đảm bảo sự tồn tại và ổn định của vương triều, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược ở các tỉnh Nam Kỳ. Nhiệm vụ, vai trò và phương pháp thực hiện có sự khác biệt, nhưng dấu ấn vượt trội hơn tất cả của các nhà Nho học khoa bảng đất Nam Bộ là thể hiện bản lĩnh của nhà Nho chống giặc tinh thần và văn hóa của người Việt đối với độc lập và tự do của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- Hồng Ân (2025). *Trịnh Hoài Đức - Nhà văn hóa lớn, nhà sử học, nhà quân sự đại tài*. Đồng Nai cuối tuần, Số Xuân Ất Tỵ, tr. 5.
- Hoàng Lại Giang (2016). *Phan Thanh Giản nổi đau trăm năm*. NXB Hồng Đức.
- Nguyễn Đình Tư (2020). *Tiểu sử và hành trạng các nhà khoa bảng Hán học Nam Bộ*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Hữu Hiếu (1972). *Nam Kỳ cổ sử*. NXB Đồng Tháp.
- Nguyễn Tiến Lập (2019). *Nghiên cứu sự chuyển biến trong ý thức sáng tác của người Minh Hương và người Hoa ở Việt Nam: Khảo sát trường hợp Mạc Thiên Tứ, Ngô Nhân Tĩnh và Trịnh Hoài Đức*. Luận án Tiến sĩ ngành Giáo dục Ngữ văn Trung Quốc, Đại học Giáo dục Đài Trung, Trung Quốc.
- Nhiều tác giả (2022). *Nguyễn Đình Chiểu - Danh nhân văn hóa thế giới*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục* (tập 3). NXB Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục* (tập 4). NXB Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục* (tập 6). NXB Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục* (tập 7). NXB Giáo dục.
- Tạp chí Xưa & Nay (2016). *Độc khảo về Phan Thanh Giản*. NXB Hồng Đức.
- Trần Đình Hằng (2020). Lê Quang Định với vấn đề thống nhất Tổ quốc trong Hoàng Việt nhất thống dư địa chí. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, 1(155), 96-104.